

BÀI THỰC HÀNH ORACLE BUỔI 1

Cho lược đồ CSDL dưới đây:

s_region (id,name)

s_warehouse(id,region_id,address,city,state,country,zip_code,phone,manager_id)

s_title (title)

s_dept (id,name,region_id)

s_emp(id,last_name,first_name,user_id,start_date,comments,manager_id,title,dept_id,salary,commission_pct)

s_customer(id,name,phone,address,city,state,country,zip_code,credit_rating,sales_rep_id,region_id,comments)

s_image (id,format,use_filename,filename,image)

s_longtext (id,use_filename,filename,text)

s_product

(id,name,short_desc,longtext_id,image_id,suggested_whlsl_price,whlsl_units)

s_ord(id,customer_id,date_ordered,date_shipped,sales_rep_id,total,payment_type,order_filled)

s_item (ord_id,item_id,product_id,price,quantity,quantity_shipped)

s_inventory(product_id,warehouse_id,amount_in_stock,reorder_point,max_in_stock,out_of_stock_explanation, restock_date)

BÀI 1: Thi hành câu lệnh SQL

1. Tạo câu truy vấn thể hiện tên, mã khách hàng. Tên các cột là Tên khách hàng, Mã khách hàng. Sắp xếp kết quả theo thứ tự giảm dần của mã khách hàng.

2. Chạy câu truy vấn. Xem câu truy vấn vừa chạy trong vùng đệm SQL (bằng lệnh **edit**). Sau đó lưu kết quả SQL vào file tên KH.sql.

3. Mở xem file KH.sql (bằng lệnh **edit tên-file**), đóng file và thực hiện câu truy vấn trong KH.sql (chính là thao tác đưa KH.sql vào vùng đệm SQL bằng lệnh Start hoặc **@tên-file**). Tiếp theo mở file KH.sql sửa lại câu truy vấn thành truy vấn bảng khác, ví dụ s_region. Lưu và chạy file này. Mở vùng đệm xem lại câu truy vấn.

4. Hiện thị tên truy cập của nhân viên 23

5. Hiện thị họ, tên và mã phòng của nhân viên trong phòng 10, 50 và sắp theo thứ tự của tên. **Nói 2 cột** họ tên và đặt tên cột mới là Employees.

Lưu ý: khi đặt alias cho cột (ví dụ **Employees**) có thể dùng từ khóa **as** nhưng khi đặt tên bảng ko dùng được từ khóa **as** mà chỉ đơn giản là cách khoảng trắng giữa tên bảng và alias của bảng. Nói 2 cột sử dụng phép “||”

6. Hiện thị tất cả những nhân viên có tên chứa chữ “S”.

7. Hiện thị tên truy nhập và ngày bắt đầu làm việc của nhân viên trong khoảng thời gian từ 14/5/1990 đến 26/5/1991.

8. Viết câu truy vấn hiện thị tên và mức lương của tất cả các nhân viên nhận lương từ 1000 đến 2000/tháng.

9. Lập danh sách tên và mức lương của những nhân viên ở phòng 31, 42, 50 nhận mức lương trên 1350. Đặt tên cho cột tên là Employee Name và đặt tên cho cột lương là Monthly Salary.

10. Hiện thị tên và ngày bắt đầu làm việc của mỗi nhân viên được thuê trong năm 1991.

11. Hiện thị họ tên của tất cả các nhân viên không phải là người quản lý.
12. Hiện thị theo thứ tự abc tất cả những sản phẩm có tên bắt đầu với từ Pro.
13. Hiện thị tên sản phẩm và mô tả ngắn gọn (SHORT_DESC) của sản phẩm với những sản phẩm có mô tả ngắn gọn chứa từ “bicycle”
14. Hiện thị tất cả những SHORT_DESC.
15. Hiện thị tên nhân viên và chức vụ trong ngoặc đơn “()” của tất cả các nhân viên. Ví dụ: Nguyễn Văn Tâm (Giám đốc).

BÀI 2: Các loại hàm trong SQL

1. Hiện thị mã nhân viên, tên và mức lương được tăng thêm 15%.
2. Hiện thị tên của mỗi nhân viên, ngày tuyển dụng và ngày xem xét tăng lương. Ngày xét tăng lương theo qui định là vào ngày thứ hai sau 6 tháng làm việc. Định dạng ngày xem xét theo kiểu “Eighth of May 1992”.
3. Hiện thị tên sản phẩm của tất cả các sản phẩm có chữ “ski”.
4. Với mỗi nhân viên, hãy tính số tháng thâm niên của nhân viên. Sắp xếp kết quả tăng dần theo tháng thâm niên và số tháng được làm tròn.
5. Cho biết có bao nhiêu người quản lý.
6. Hiện thị mức cao nhất và mức thấp nhất của đơn hàng trong bảng S_ORD. Đặt tên các cột tương ứng là Highest và Lowest.

BÀI 3: Phép kết

1. Hiện thị tên sản phẩm, mã sản phẩm và số lượng từng sản phẩm trong đơn đặt hàng có mã số 101. Cột số lượng được đặt tên là ORDERED.
2. Hiện thị mã khách hàng và mã đơn đặt hàng của tất cả khách hàng, kể cả những khách hàng chưa đặt hàng. Sắp xếp danh sách theo mã khách hàng.
3. Hiện thị mã khách hàng, mã sản phẩm và số lượng đặt hàng của các đơn đặt hàng có trị giá trên 100.000.

BÀI 4: Các hàm gom nhóm

1. Với từng người quản lý, cho biết mã người quản lý và số nhân viên mà họ quản lý.
2. Hiện thị những người quản lý 20 nhân viên trở lên.
3. Cho biết mã vùng, tên vùng và số phòng ban trực thuộc trong mỗi vùng.
4. Hiện thị tên khách hàng và số lượng đơn đặt hàng của mỗi khách hàng.
5. Cho biết khách hàng có số đơn đặt hàng nhiều nhất.
6. Cho biết khách hàng có tổng tiền mua hàng lớn nhất.

BÀI 5: Truy vấn con và các dạng khác

Hãy sử dụng các bảng S_EMP, S_DEPT, S_ORD, S_ITEM và S_PRODUCT.

1. Hiện thị họ, tên và ngày tuyển dụng của tất cả các nhân viên cùng phòng với Lan
2. Hiện thị mã nhân viên, họ, tên và mã truy cập của tất cả các nhân viên có mức lương trên mức lương trung bình.
3. Hiện thị mã nhân viên, họ và tên của tất cả các nhân viên có mức lương trên mức trung bình và có tên chứa ký tự “L”.
4. Hiện thị những khách hàng chưa bao giờ đặt hàng.